

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 275/2018/HC-PT
Ngày 06 - 8 - 2018
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Ông Đặng An Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLPT-HC ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 985/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoàng D, sinh năm 1947 (có mặt);

Địa chỉ: xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 8429/GUQ ngày 07/11/2013)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu Anh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 1763/UBND do Ủy ban nhân dân quận B lập ngày 08/5/2017).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1981 (có mặt).

2. Ông Trần Anh T2, sinh năm 1980 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Phần đất có diện tích 78,4m² tọa lạc tại số 1056/2/25/27/2/7P Tỉnh Lộ 43, khu phố 1, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Lê Thị N mua lại của ông Nguyễn Hồng D bằng giấy tay vào tháng 5/2002. Tháng 10 năm 2002 bà N tự xây dựng không phép căn nhà cấp 4, và ở trên đó ổn định cho đến ngày bị giải tỏa.

Ngày 24/8/2009, bà N nhận được Quyết định số 4739/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án đầu tư cải tạo kênh F trên địa bàn phường A, quận B gồm:

- Bồi thường về đất nông nghiệp, diện tích 78,4m²: 146.451.200 đồng;
- Bồi thường nhà, vật kiến trúc – CTP: 0 đồng;
- Bồi thường tài sản khác: 5.900.000 đồng;
- Bồi thường hoa màu: 0 đồng;
- Các khoản hỗ trợ: 2.000.000 đồng;
- Thưởng chấp hành tốt việc di dời: 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền được bồi thường hỗ trợ là 159.351.200 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, bà N khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Ngày 29/8/2013 bà N nhận được Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận B bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà N như sau:

- Bồi thường về đất ở 27,1m² là 111.760.400 đồng;
- Bồi thường về đất nông nghiệp xen cài số tiền là 95.828.400 đồng;
- Không bồi thường về nhà diện tích 78.4m²;

- Khấu trừ tiền đất đã nhận theo Quyết định 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 là 146.451.200 đồng;

Tổng cộng số tiền bồi thường bổ sung là 61.137.600 đồng.

Bà N không đồng ý với hai quyết định nêu trên vì: Gia đình bà N có 03 căn nhà bị ảnh hưởng bởi dự án cải tạo kênh F, ba nhà này là 03 thửa đất khác nhau, có 03 số nhà khác nhau nên không thể áp dụng hạn mức 200 m² đất ở. Căn cứ Điều 45 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì Ủy ban nhân dân quận B phải bồi thường đất ở cho bà N với diện tích 78,4m². Về nhà, bà N xây dựng nhà vào tháng 10 năm 2002 nên thuộc trường hợp xây dựng trước ngày 01/7/2004, bà N phải được bồi thường về nhà ở.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án tại kênh F trên địa bàn phường A quận B và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của UBND quận B về việc chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong dự án tại kênh F trên địa bàn phường A quận B.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B có văn bản trình bày:

Trong phạm vi thực hiện thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư cải tạo kênh F trên địa bàn phường A, quận B theo Quyết định số 3517/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, hộ bà Lê Thị N có 78,4 m² đất bị giải tỏa, tọa lạc tại số 1056/2/25/27/2/7P đường Tỉnh Lộ 43, khu phố 1, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2002 do bà N mua lại của ông Nguyễn Hồng D tháng 5/2002, bà N xây nhà không phép tháng 10/2002 và ở ổn định đến nay không có tranh chấp. Nhà, đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở.

Trên cơ sở Biên bản kiểm kê thiệt hại ngày 18 tháng 9 năm 2008, giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất ngày 28 tháng 10 năm 2008 của UBND phường A và Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 10/12/2008. Ủy ban nhân dân quận B xác định phần đất bị giải tỏa của bà Lê Thị N sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp, chưa được lập thủ tục chuyển mục đích sang đất ở nhưng bà N đã tự chuyển mục đích sử dụng, xây dựng làm nhà ở vào năm 2003, Tc sau ngày 22 tháng 4 năm 2002, chỉ được bồi thường theo chính sách đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư theo quy định.

Ngày 22 tháng 6 năm 2009, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4739/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N với tổng số tiền là 159.351.200 đồng. Trong đó bồi thường đất nông nghiệp xen kẽ với diện tích 78,4m² đơn giá 1.868.000đ/m²; không bồi thường, hỗ trợ về nhà ở do xây dựng không phép sau ngày 22/4/2002.

Không đồng ý với chính sách bồi thường, hỗ trợ tại quyết định nêu trên, bà Lê Thị N có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận B. Sau khi xem xét, kiểm tra lại hồ sơ bồi thường, Ủy ban nhân dân quận B nhận thấy trường hợp của bà Lê Thị N sử dụng đất có nguồn gốc là đất của hộ dân sử dụng từ sau năm

1975, bà N nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà (không giấy phép) để ở từ năm 2003 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư cải tạo kênh F. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, trường hợp của bà N đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, theo đó chỉ bồi thường đất ở cho bà Lê Thị N 27,1m² do trong dự án trên ông Nguyễn Trọng H là chồng của bà Lê Thị N đã được bồi thường đất ở là 172,7m² nên bà N chỉ được bồi thường thêm là 27,1m², ông H và bà N là vợ chồng cùng đứng tên trong một hộ khẩu nhưng có 03 căn nhà liền kề được áp giá đền bù theo phương án cải tạo kênh F. Ngoài ra năm 2007 ông H và bà N có cùng đứng đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại địa chỉ nêu trên, căn cứ để bồi thường là dựa vào Phương án bồi thường số 57/PABT-HĐBT ngày 10/12/2008 và Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì những hộ chưa được cấp giấy chứng nhận thì chỉ được bồi thường đất ở không vượt quá 200m²/hộ gia đình (đây là hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn quận B theo Quyết định 225/2005/QĐ –UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ quy định trên, ngày 29 tháng 8 năm 2013 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5005/QĐ-UBND về việc chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ (bồi thường đất ở) cho bà Lê Thị N với tổng số tiền là 61.137.600 đồng (bà Lê Thị N đã nhận tiền).

Về nhà, vật kiến trúc khác không bồi thường, không hỗ trợ, do nhà ở, vật kiến trúc của bà Lê Thị N xây dựng không phép sau ngày 22/4/2002, Tc là ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chỉ thị số 08/2002/CT-UB ngày 22/4/2002 về chấn chỉnh và tăng cường quản lý Nhà nước về nhà đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Quy định này đã được đưa vào Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 10/12/2008. Đồng thời căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 65/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Cụ thể:

“5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 20 như sau:

a) Nhà ở, công trình xây dựng trên đất đủ Điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định tại Điều 8 của Quy định này được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- ...

- Trường hợp thời điểm xây dựng từ ngày 22 tháng 4 năm 2002 trở về sau, hoặc khi xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng (bị xử lý hành chính về hành vi xây dựng trái phép) thì không được bồi thường, không được hỗ trợ; người có công trình xây dựng trái phép đó buộc phải tự tháo dỡ hoặc phải chịu chi phí phá dỡ trong trường hợp cơ quan chức năng của Nhà nước thực hiện phá dỡ.

- ...”

Qua đối chiếu với các văn bản quy định của pháp luật, xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ bà Lê Thị N, Ủy ban nhân dân quận B nhận thấy việc ban hành Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2013 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố xét xử vụ án theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc hủy Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong Dự án đầu tư Cải tạo kênh F trên địa bàn phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/01/2018, người khởi kiện bà Lê Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong Dự án đầu tư cải tạo kênh F trên địa bàn phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tranh luận cho yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Hoàng D trình bày: Việc Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 không đúng làm ảnh hưởng tới quyền lợi của bà N. Căn cứ Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, bà N phải được bồi thường đất ở với diện tích là 78,4 m² và bồi thường về nhà ở. Ngoài ra, bà N và ông H có 03 thửa đất hoàn toàn khác nhau nên việc Ủy ban nhân dân quận B gộp lại để tính hạn mức 200m² là không thỏa đáng, do đó bà N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận B.

Phía bị kiện trình bày tranh luận: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích

hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án, theo biên bản kiểm kê thiệt hại ngày 18/9/2008 và giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 28/10/2008 của UBND phường A, quận B thì phần đất bị thu hồi, giải tỏa của bà Lê Thị N có nguồn gốc là đất nông nghiệp do bà N mua của ông Nguyễn Hồng D vào tháng 05/2002, chưa được lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất ở, bà N tự xây nhà không phép trên diện tích đất trên vào tháng 10/2002 nên UBND quận B đã căn cứ vào Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND, Chỉ thị số 08/2002/CT-UB ban hành Quyết định số 4739 không bồi thường, hỗ trợ về nhà ở cho bà N là đúng quy định pháp luật. Đối với 78,4m² đất của bà Lê Thị N có nguồn gốc là đất của hộ dân sử dụng từ sau năm 1975, bà N chuyển nhượng và xây dựng nhà không phép để ở từ 05/2002 cho đến khi Nhà nước thu hồi. Ủy ban nhân dân quận B đã căn cứ Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP để xác định bà Nhất đủ điều kiện bồi thường về đất ở, tuy nhiên do bà N và ông H là vợ chồng, có cùng hộ khẩu, có 3 thửa đất, căn cứ quy định về hạn mức đất ở không vượt quá 200m²/hộ, mà hộ ông H bà N đã được bồi thường, hỗ trợ diện tích 172/7m² đất ở nên UBND quận B ban hành Quyết định số 5005 chi trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2015/HC-ST ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm:

[2.1] Bà N khởi kiện cho rằng Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận B bồi thường cho bà không đúng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Theo quy định, bà N phải được bồi thường đất ở với diện tích là 78,4 m² và bồi thường về nhà ở. Ngoài ra, bà N và ông H có 03 thửa đất hoàn toàn khác nhau nên việc Ủy ban nhân dân quận B gộp lại để tính hạn mức 200m² là không thỏa đáng, bà N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Ủy ban nhân dân quận B.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá nhận định:

Xét nội dung Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2013:

Phần đất của hộ bà Lê Thị N bị thu hồi giải tỏa để thực hiện dự án đầu tư cải tạo kênh F trên địa bàn phường A, quận B có diện tích đất bị giải tỏa là 78,4

m², thửa 54, tờ bản đồ 23, toạ lạc tại số 1056/2/25/27/2/7P đường Tỉnh Lộ 43, khu phố 1, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo nội dung Biên bản kiểm kê thiệt hại ngày 18 tháng 9 năm 2008 và giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường A, phần đất bị giải tỏa của bà Lê Thị N sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp, do bà N mua lại của ông Nguyễn Hồng D tháng 5/2002, chưa được lập thủ tục chuyển mục đích sang đất ở nhưng bà N đã tự chuyển mục đích sử dụng, xây dựng làm nhà ở không phép vào tháng 10/2002 và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở, nên ngày 22 tháng 6 năm 2009, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4739/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N. Trong đó bồi thường đất nông nghiệp xen cài với diện tích 78,4m²; không bồi thường, hỗ trợ về nhà ở do xây dựng không phép vào tháng 10/2002.

Xét việc không bồi thường, hỗ trợ về nhà ở do xây dựng không phép vào tháng 10/2002: Căn cứ khoản 3 Điều 20 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, điểm a Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 65/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, do nhà ở, vật kiến trúc của bà Lê Thị N xây dựng không phép sau ngày 22/4/2002, Tc là ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chỉ thị số 08/2002/CT-UB ngày 22/4/2002 về chấn chỉnh và tăng cường quản lý Nhà nước về nhà đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên ngày 22 tháng 6 năm 2009, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4739/QĐ-UBND về việc không có bồi thường, hỗ trợ nhà ở là có căn cứ pháp luật.

Xét phần Ủy ban nhân dân quận B chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N về bồi thường đất nông nghiệp với diện tích 78,4m² theo Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22/6/2009. Do hộ bà Lê Thị N sử dụng đất có nguồn gốc là đất của hộ dân sử dụng từ sau năm 1975, bà N nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà (không giấy phép) để ở từ tháng 5/2002 cho đến khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư cải tạo kênh F. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, trường hợp của bà N đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nên ngày 29/8/2013 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 5005/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường bổ sung đối với hộ bà Lê Thị N là đúng quy định. Tuy nhiên, xét thấy bà Lê Thị N và ông Nguyễn Trọng H là vợ chồng cùng chung hộ khẩu, ông H là chủ hộ, bà N là thành viên trong hộ gia đình. Ông H, bà N có 03 thửa đất khác nhau, là tài sản chung của vợ chồng gồm thửa thứ nhất đứng tên bà Lê Thị N, diện tích 78,4 m² (thửa 54, tờ bản đồ 23); Thửa thứ hai đứng tên ông Nguyễn Trọng H diện tích 69,9 m² (thửa số 37,51,52, tờ bản đồ số 15); Thửa thứ ba đứng tên ông Nguyễn Trọng H diện tích 102,8 m² (thửa số 55, tờ bản đồ số 23) thuộc phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng cộng 03 thửa là 251,1m². Căn cứ Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, khoản 2 Điều 83 và

khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai năm 2003; Quyết định số 225/2005/ QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hạn mức đất ở là không quá 200m²/hộ . Do hộ gia đình bà Lê Thị N và ông Nguyễn Trọng H đã được bồi thường, hỗ trợ 172,7m² đất ở nên Ủy ban nhân dân quận B chỉ trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị N thêm diện tích 27,1m² đất ở trong hạn mức 200m²/hộ tại Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2013 là đúng quy định.

Phần đất diện tích 78,4 m², thửa 54, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 1056/2/25/27/2/7P đường Tỉnh Lộ 43, khu phố 1, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Lê Thị N, Ủy ban nhân dân quận B áp dụng chỉ trả bổ sung tiền bồi thường, hỗ trợ thêm diện tích đất ở 27,1m² đất ở trong hạn mức 200m²/hộ bà N, ông H, không bồi thường về nhà, vật kiến trúc là phù hợp các quy định tại Khoản 2 Điều 83, Khoản 5 Điều 84 Luật Đất đai năm 2003, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Khoản 3 Điều 20 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Đồng thời xác định diện tích đất còn lại 51,3 m² là đất nông nghiệp xen cài bồi thường với đơn giá 1.868.000đ/m², bồi thường tài sản khác trên đất, hỗ trợ di dời nhà, thưởng chấp hành chính sách theo Phương án số 57/PABT-HĐBT ngày 10/12/2008 là đúng quy định.

Từ nhận định này, Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra phán xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp thẩm chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thị N, giữ nguyên án sơ thẩm

Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Lê Thị N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

I. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên xử:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 83, khoản 5 Điều 84, điểm b khoản 3 Điều 122 Luật Đất đai năm 2003, Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và khoản 3 Điều 20 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc hủy Quyết định số 4739/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thu hồi mặt bằng trong Dự án đầu tư Cải tạo kênh F trên địa bàn phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 48729 ngày 24/01/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP, 19.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên